

PHIẾU TRẢ LỜI TRẮC NGHIỆM

Giám thị 1 Họ và tên:..... Chữ ký:.....	1. Tên trường:..... Ký hiệu trường (bằng chữ):..... 2. Điểm thi:..... 3. Phòng thi:..... 4. Họ và tên thí sinh:..... 5. Ngày sinh:..... 6. Chữ ký của thí sinh:..... 7. Môn thi:..... 8. Ngày thi:.....
Giám thị 2 Họ và tên:..... Chữ ký:.....	

Thí sinh lưu ý:

- Giữ cho phiếu phẳng, không bôi bẩn, làm rách.
- Phải ghi đầy đủ các mục theo hướng dẫn.
- Dùng bút chì đen tô kín các ô tròn trong mục:

Số báo danh, Mã đề thi trước khi làm bài.

Phần trả lời: Số thứ tự câu trả lời dưới đây ứng với số thứ tự câu trắc nghiệm trong đề thi. Đối với mỗi câu trắc nghiệm, thí sinh chọn và **tô kín một ô tròn** tương ứng với phương án trả lời đúng.

[illegible]

	(A)	(B)	(C)	(D)				(A)	(B)	(C)	(D)	
1	☐	☐	☐	☐				26	☐	☐	☐	☐
2	☐	☐	☐	☐				27	☐	☐	☐	☐
3	☐	☐	☐	☐				28	☐	☐	☐	☐
4	☐	☐	☐	☐				29	☐	☐	☐	☐
5	☐	☐	☐	☐				30	☐	☐	☐	☐
6	☐	☐	☐	☐				31	☐	☐	☐	☐
7	☐	☐	☐	☐				32	☐	☐	☐	☐
8	☐	☐	☐	☐				33	☐	☐	☐	☐
9	☐	☐	☐	☐				34	☐	☐	☐	☐
10	☐	☐	☐	☐				35	☐	☐	☐	☐
11	☐	☐	☐	☐				36	☐	☐	☐	☐
12	☐	☐	☐	☐				37	☐	☐	☐	☐
13	☐	☐	☐	☐				38	☐	☐	☐	☐
14	☐	☐	☐	☐				39	☐	☐	☐	☐
15	☐	☐	☐	☐				40	☐	☐	☐	☐
16	☐	☐	☐	☐				41	☐	☐	☐	☐
17	☐	☐	☐	☐				42	☐	☐	☐	☐
18	☐	☐	☐	☐				43	☐	☐	☐	☐
19	☐	☐	☐	☐				44	☐	☐	☐	☐
20	☐	☐	☐	☐				45	☐	☐	☐	☐
21	☐	☐	☐	☐				46	☐	☐	☐	☐
22	☐	☐	☐	☐				47	☐	☐	☐	☐
23	☐	☐	☐	☐				48	☐	☐	☐	☐
24	☐	☐	☐	☐				49	☐	☐	☐	☐
25	☐	☐	☐	☐				50	☐	☐	☐	☐